

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 6 – CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 – 9 – 2025  
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
và chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khuru Liên Dung**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Hồng Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Huỳnh A**, sinh ngày 24/9/1979

Địa chỉ: số C, đường B, khóm D, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số C, đường B, khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau). *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh **Tô Hoàng G**, sinh ngày 18/5/1971

Địa chỉ: số C, đường B, khóm D, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số C, đường B, khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau). *(Có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Huỳnh A trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh G tự nguyện sống chung từ năm 2002, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C và được cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2002. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 01/2025 đến nay do bất đồng quan điểm, sống chung không còn hạnh phúc, không còn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Tại đơn khởi kiện chị xác định chị và anh G có 02 người con chung là Tô Yến M, sinh ngày 24/02/2004, hiện đang đi học ở thành phố Hồ Chí Minh và Tô Khoa M1, sinh ngày 19/11/2015, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, đối với con chung là Tô Yến M đã thành niên, phát triển bình thường, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Tô Khoa M1 và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh G xác định Tô Khoa M1 không phải là con chung và có yêu cầu giám định ADN. Do anh G không thừa nhận Tô Khoa M1 là con chung nên chị thống nhất Tô Khoa M1 không phải là con chung của chị và anh G mà là con riêng của chị, chị sẽ tự chăm sóc nuôi dưỡng Tô Khoa M1 mà không yêu cầu gì đối với anh G. Do chị và anh G đã thống nhất Tô Khoa M1 không phải là con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với Tô Khoa M1 khi ly hôn. Như vậy, về con chung khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình sống chung vợ chồng chị có tài sản chung là thửa đất số 388, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 112,5m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị tọa lạc số C đường B, khóm D, phường E, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau) do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 09/5/2008 cho anh Tô Hoàng G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 816754 và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, tài sản chung hiện nay do anh G đang quản lý sử dụng. Căn cứ theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T1 thì phần đất có giá trị 970.425.000 đồng và căn nhà trên đất có giá trị là 318.471.026 đồng thì chị thống nhất theo kết quả định giá này. Khi ly hôn, chị yêu cầu chia đôi tài sản chung này, chị yêu cầu được nhận giá trị và đồng ý giao cho anh G được nhận hiện vật. Ngoài ra vợ chồng chị không còn tài sản chung nào khác.

- Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Tô Hoàng G trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân như chị Huỳnh A trình bày là đúng. Nay chị Huỳnh A yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Huỳnh A chỉ có 01 người con chung là Tô Yến M, sinh ngày 24/02/2004, hiện đang học đại học tại thành phố Hồ Chí Minh. Còn Tô Khoa M1, sinh ngày 15/11/2015 là con riêng của chị Huỳnh A, không phải con chung của anh và chị Huỳnh Anh. Khi ly hôn, đối với Tô Yến M đã thành niên, phát triển bình thường nên anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Tô Khoa M1, chị Huỳnh A thống nhất là con riêng của chị Huỳnh A, chị Huỳnh A sẽ tự chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn thì anh thống nhất. Do đó, khi ly hôn về con chung anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh đồng ý chia đôi căn nhà cấp 4 trên đất theo yêu cầu của chị Huỳnh A do căn nhà là tài sản chung của vợ chồng anh cùng nhau xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Căn nhà gắn liền với đất hiện nay do anh đang quản lý sử dụng nên anh yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà trên đất và đồng ý hoàn trả giá trị cho chị Huỳnh Anh . Còn phần đất là thửa đất số 388, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 112,5m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị tọa lạc khóm D, phường E, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau) do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 09/5/2008 cho anh Tô Hoàng G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 816754 là tài sản riêng của anh do phần đất này được mua từ tiền anh bán phần đất được tặng cho riêng trước khi kết hôn, không phải tài sản chung của vợ chồng anh nên anh không đồng ý chia đôi theo yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Anh . Căn cứ theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T1 thì phần đất có giá trị 970.425.000 đồng và căn nhà trên đất có giá trị là 318.471.026 đồng thì anh thống nhất theo kết quả định giá này.

- Về nợ chung: Không có nên anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh A và anh G.

+ Về con chung: Đối với cháu Tô Yến M đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Tô Khoa M1 tại đơn khởi kiện đương sự yêu cầu giải quyết nhưng tại phiên toà đương sự thống nhất xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Huỳnh Anh . Chia đôi căn nhà trị giá 318.471.026 đồng, chị Huỳnh A và anh G mỗi người được hưởng ½ giá trị. Đối với thửa đất số 388, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 112,5m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị tọa lạc khóm D, phường E, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau) có giá trị 970.425.000 đồng, chấp nhận là tài sản chung của vợ chồng chị Huỳnh A và anh G nhưng có tính đến công sức đóng góp của anh G nhiều hơn nên chia cho anh G được hưởng 70% giá trị và chia cho chị Huỳnh A được hưởng 30% giá trị. Chị Huỳnh A và anh G thống nhất giao nhà và đất cho anh G nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao nhà và đất cho anh G được quyền sở hữu, buộc anh G có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho chị Huỳnh Anh .

+ Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về chi phí tố tụng và án phí: Chị Huỳnh A và anh G phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh G, anh G đang cư trú trên địa bàn phường V, tỉnh Cà Mau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về hôn nhân: Chị Huỳnh A và anh G tự nguyện sống chung từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị Huỳnh A và anh G là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị Huỳnh A và anh G đã ly thân từ tháng 01/2025 đến nay. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị Huỳnh A và anh G không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, nay chị Huỳnh A yêu cầu ly hôn, anh G cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự tự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh A và anh G.

[4] Về con chung: Chị Huỳnh A và anh G thống nhất có một người con chung là Tô Yến M, sinh ngày 24/02/2004 đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Tô Khoa M1, sinh ngày 19/11/2015, tại đơn khởi kiện chị Huỳnh A xác định là con chung nên yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh A và anh G thống nhất cháu Tô Khoa M1 không phải là con chung của chị Huỳnh A và anh G mà là con riêng của chị Huỳnh A nên chị Huỳnh A không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn và anh G cũng thống nhất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận. Như vậy, chị Huỳnh A và anh G thống nhất chỉ có một người con chung là Tô Yến M, đã thành niên nên khi ly hôn về con chung chị Huỳnh A và anh G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

[5.1] Chị Huỳnh A và anh G thống nhất quá trình sống chung có tạo lập được tài sản chung là căn nhà được xây dựng trên thửa đất số 388, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 112,5m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị tọa lạc khóm D, phường E, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau) gồm: Nhà chính diện tích 55,61m<sup>2</sup>, kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây gạch bao quanh (có tô và xây tường hoàn thiện, dán gạch ốp tường cao 1,4m bên trong), nền gạch men, mái lợp

tol (có đóng la phong trần thạch cao và trần nhựa), mặt tiền trước có dán gạch, có hệ thống điện, nước và vệ sinh; Mái che bên hong diện tích 11,76m<sup>2</sup>, kết cấu khung cột sắt tiền chế, mái lợp tol, vách xây tường gạch cao 0,6m, phía trên đóng thiết (một vách), nền lót gạch nhám; Nhà phụ phía trước ngang 4,4m dài 7,6m, kết cấu khung cột sắt tiền chế, xây một vách tường cao 01m (có dán gạch), phía trên đóng miếng dán xi măng, vách còn lại nhờ nhà bên cạnh, mặt tiền trước xây gạch cao 01m (có dán gạch), phía trên đóng miếng dán xi măng, nền lót gạch men; Mái che phía trước ngang 4,4m dài 1,8m, kết cấu đòn tay sắt, mái lợp tol, nền lót gạch nhám ngang 4,4m dài 1,1m; Ô văng đổ bê tông cốt thép, diện tích ngang 4,3m dài 1,2m. Chị Huỳnh A và anh G thống nhất chia đôi tài sản chung này, xét thấy thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ theo kết quả định giá thì căn nhà trị giá 318.471.026 đồng, chị Huỳnh A và anh G mỗi người được hưởng 50% giá trị là 159.235.513 đồng.

[5.2] Đối với thửa đất số 388, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 112,5m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị tọa lạc khóm D, phường E, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau) do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 09/5/2008 cho anh Tô Hoàng G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 816754: Chị Huỳnh A xác định là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu chia đôi, tuy nhiên anh G xác định phần đất này có được từ việc anh G bán phần đất anh G được tặng cho riêng trước khi kết hôn lấy tiền để nhận chuyển nhượng phần đất này và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do một mình anh G đứng tên nên phần đất này là tài sản riêng của anh G, do đó anh G không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của chị Huỳnh Anh. Xét thấy, chị Huỳnh A trình bày nguồn gốc về phần đất tọa lạc ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp P, xã V, tỉnh Cà Mau) là được cha mẹ của anh G, chị và em của anh G là Tô Thị T và Tô Hoàng L tặng cho vợ chồng anh G sau khi kết hôn nhưng chị Huỳnh A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh và chị Tô Thị T cũng xác định không có tặng cho đất vợ chồng chị Huỳnh Anh. Còn anh G xác định nguồn gốc phần đất là do anh của anh G là Tô Hòa K tặng cho trước khi anh G kết hôn và đã được anh K thừa nhận. Xét thấy, mặc dù phần đất được tặng cho anh G trước khi kết hôn nhưng chị Huỳnh A và anh G trình bày thống nhất sau khi kết hôn vợ chồng anh G có cùng canh tác phần đất này để nuôi trồng thủy sản và sau đó do canh tác không hiệu quả nên đã bán phần đất này để lấy tiền chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp. Xét thấy, quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, phần đất tranh chấp hiện anh G đang ở được mua trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời khi sống chung anh G đã đồng ý cùng chị Huỳnh A xây dựng căn nhà chung trên phần đất này để ở và căn nhà được xây dựng kiên cố, không thể di dời, tại phiên tòa anh G cũng thừa nhận tại thời điểm xây nhà anh G cũng xem phần đất này là tài sản chung của vợ chồng, như vậy mặc dù không có văn bản thỏa thuận nhưng ý chí của anh G tại thời điểm xây dựng căn nhà chung trên phần đất tranh chấp thì anh G đã xác định tài sản này là tài sản chung của vợ chồng, do đó chị Huỳnh A xác định phần đất ở này là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị Huỳnh A có yêu cầu chia đôi phần đất, xét thấy

căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Xét thấy phần đất tranh chấp được nhận chuyển nhượng từ nguồn tiền bán tài sản được bên gia đình anh G tặng cho nên anh G có công sức đóng góp nhiều hơn, do đó chia cho anh G được hưởng 60% giá trị, chị Huỳnh A được hưởng 40% giá trị là phù hợp. Căn cứ theo kết quả định giá, phần đất có giá trị là 970.425.000 đồng nên chia cho chị Huỳnh A được hưởng 40% giá trị là 388.170.000 đồng, chia cho anh G được hưởng 60% giá trị là 582.255.000 đồng.

[5.3] Do phần đất và căn nhà gắn liền với đất hiện do anh G đang quản lý sử dụng và anh G có yêu cầu được nhận hiện vật. Chị Huỳnh A đồng ý giao cho anh G được tiếp tục quản lý, sử dụng và đồng ý nhận giá trị nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh G được tiếp tục quản lý, sử dụng nhà và đất, buộc anh G có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản chung được chia cho chị Huỳnh A số tiền 547.405.513 đồng.

[6] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 11.567.000 đồng, chị Huỳnh A và anh G mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  là 5.783.500 đồng. Chị Huỳnh A đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 6.000.000 đồng theo Phiếu thu số PT158 ngày 15/4/2025 và số tiền 8.000.000 đồng theo Phiếu thu số PT64KV ngày 31/7/2025, đã chi số tiền 11.567.000 đồng, chị Huỳnh A đã được nhận lại số tiền 2.433.000 đồng tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau. Anh G có nghĩa vụ trả lại cho chị Huỳnh A số tiền 5.783.500 đồng.

[9] Về án phí: Chị Huỳnh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng và chịu án phí trên tài sản chung được chia là 25.896.000 đồng. Anh G phải chịu án phí trên tài sản chung được chia là **33.659.000** đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 19, 55, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Huỳnh A và anh Tô Hoàng G.

2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Lê Huỳnh A và anh Tô Hoàng G chia tài sản chung là căn nhà trên thửa đất số 388, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 112,5m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị tọa lạc khóm D, phường E, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau) có giá trị 318.471.026 đồng, chị Lê Huỳnh A và anh Tô Hoàng G mỗi người được hưởng giá trị là 159.235.513 đồng.

3.2. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Huỳnh A yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 388, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 112,5m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị tọa lạc khóm D, phường E, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau) có giá trị 970.425.000 đồng, chị Lê Huỳnh A được hưởng giá trị là 388.170.000 đồng và anh Tô Hoàng G được hưởng giá trị là 582.255.000 đồng.

3.3. Anh Tô Hoàng G được chia tài sản chung bằng hiện vật là quyền sử dụng đất thửa đất số 388, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 112,5m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị tọa lạc khóm D, phường E, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm D, phường V, tỉnh Cà Mau) do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 09/5/2008 cho anh Tô Hoàng G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 816754, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 146, có số đo 22,50m.

Hướng Tây giáp mương thoát nước, có số đo 22,50m.

Hướng Nam giáp đường B, có số đo 4,40m.

Hướng Bắc giáp mương thoát nước, có số đo 5,60m.

*(Có bản vẽ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)*

Anh Tô Hoàng G được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: Nhà chính diện tích 55,61m<sup>2</sup>, kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây gạch bao quanh (có tô và xây tường hoàn thiện, dán gạch ốp tường cao 1,4m bên trong), nền gạch men, mái lợp tol (có đóng la phong trần thạch cao và trần nhựa), mặt tiền trước có dán gạch, có hệ thống điện, nước và vệ sinh; Mái che bên hong diện tích 11,76m<sup>2</sup>, kết cấu khung cột sắt tiền chế, mái lợp tol, vách xây tường gạch cao 0,6m, phía trên đóng thiết (một vách), nền lót gạch nhám; Nhà phụ phía trước ngang 4,4m dài 7,6m, kết cấu khung cột sắt tiền chế, xây một vách tường cao 01m (có dán gạch), phía trên đóng miêng dán xi măng, vách còn lại nhờ nhà bên cạnh, mặt tiền trước xây gạch cao 01m (có dán gạch), phía trên đóng miêng dán xi măng, nền lót gạch men; Mái che phía trước ngang 4,4m dài 1,8m, kết cấu đòn tay sắt, mái lợp tol, nền lót gạch nhám ngang 4,4m dài 1,1m; Ô văng đổ bê tông cốt thép, diện tích ngang 4,3m dài 1,2m. Phần đất và công trình trên đất hiện do anh Tô Hoàng G đang quản lý sử dụng nên được tiếp tục quản lý, sử dụng.

3.4. Chị Lê Huỳnh A được chia tài sản chung bằng giá trị với số tiền 547.405.513 đồng. Buộc anh Tô Hoàng G có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chung

được chia cho chị Lê Huỳnh A số tiền 547.405.513 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm lẻ năm nghìn năm trăm mười ba đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Huỳnh A và anh Tô Hoàng G mỗi người phải chịu là 5.783.500 đồng. Chị Lê Huỳnh A đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 6.000.000 đồng theo Phiếu thu số PT158 ngày 15/4/2025 và số tiền 8.000.000 đồng theo Phiếu thu số PT64KV ngày 31/7/2025, đã chi số tiền 11.567.000 đồng, chị Lê Huỳnh A đã được nhận lại số tiền 2.433.000 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau. Anh Tô Hoàng G có nghĩa vụ trả lại cho chị Lê Huỳnh A số tiền 5.783.500 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

6. Về án phí: Chị Lê Huỳnh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.196.000 đồng. Chị Huỳnh A đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 6.550.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000118 ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau) nên được chuyển sang thu án phí và chị Huỳnh A còn phải nộp số tiền 19.646.000 đồng. Anh Tô Hoàng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.659.000 đồng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến Ly**